

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 19 – 4 – 2022

“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Út

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST-DS Ngày 06 tháng 4 năm 2021: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Ngọc V, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. ***Bị đơn:*** Bà Dương Thị M, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Thái Văn T, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Ngọc V trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 10/01/2019, bà V có nhờ bà M tham gia giùm 01 đầu hụi do bà X đứng tên chủ hụi và mỗi đầu hụi với số tiền là: 3.000.000đ/ tháng, mỗi tháng tổ chức khai 01 lần, đây hụi có 26 người tham gia và đến kỳ khai lần thứ 22, bà V nhờ bà M đứng ra bỏ hụi hốt được số tiền như sau: Hụi đã đóng hụi chết là 22 lần x 3.000.000đ = 66.000.000đ. Hụi còn lại 03 lần đóng hụi sống x 2.300.000đ = 6.900.000đ (còn 03 lần hụi sống tôi sẽ có nghĩa vụ đóng cho chủ hụi). Tổng cộng số

tiền hốt được là 72.900.000đ. Nhưng sau khi hốt hụi không thấy bà M đưa tiền hụi nên bà V có đến gặp bà M thì bà nói chờ chủ hụi giao tiền, cho đến 09 ngày sau bà V có liên lạc qua điện thoại cho bà M thì bà trả lời là chủ hụi giao rồi và số tiền đó giao cho chồng bà M là ông T cất giữ, nếu muốn lấy tiền thì xuống gặp ông T để nói chuyện, trong khoảng thời gian đó bà V bị bệnh nên đi điều trị ở thành phố nên không xuống gặp T lấy tiền được. Đến ngày 25/12/2020, bà V xuống nhà bà M, ông T gặp trực tiếp để nói chuyện thì ông T có thái độ hung hăng và thiếu lịch sự, gây bức xúc.

Theo đơn khởi kiện bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà M, ông T phải trả một lần đủ số tiền hụi là 72.900.000đ nhưng tại phiên tòa bà V rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà M, ông T trả 60.000.000đ.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị M và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T trình bày:

Vợ chồng bà Dương Thị M, Thái Văn T thừa nhận là có đứng ra chơi hụi giúp cho nguyên đơn một chân hụi là 3.000.000đ/ tháng. Thời gian tham gia chơi hụi khi nào thì vợ chồng ông bà không nhớ rõ nhưng nhớ là hốt hụi trước tết năm 2020 với số tiền là 71.000.000đ, sau đó vợ chồng ông bà phải đóng thêm 04 lần hụi chết là 12.000.000đ, trừ tiền đầu thảo nên tại phiên tòa bà M, ông T thừa nhận số tiền thực tế hốt cho nguyên đơn là 60.000.000đ. Sau khi hốt hụi tham gia giúp cho nguyên đơn thì vợ chồng ông bà phải mang tiền đi trả nợ mà ông bà đã vay giúp cho ông X là chị em kết nghĩa với nguyên đơn. Do ông X có nhờ ông bà hỏi tiền giúp, nhưng sau đó có ý định bỏ trốn thì bà Mến có điện thoại cho nguyên đơn nói lên gặp X để lấy tiền nhưng nguyên đơn ngăn cản không cho lên và nói “là để từ từ rồi tính”, khi Xuân bỏ trốn nguyên đơn còn cho tiền. Nay vợ chồng bà Mến, ông T yêu cầu nguyên đơn kêu X về trả nợ số tiền 97.300.000đ mà ông bà hỏi tiền giúp để trả nợ, thì vợ chồng bà Mến đồng ý đưa lại số tiền 60.000.000đ cho nguyên đơn, bởi số tiền này vợ chồng bà Mến ông T đã trả nợ của ông X cho người khác. Số tiền gốc ông X còn thiếu là 44.800.000đ và tiền lời là 52.500.000đ (mỗi tháng tiền lời là 2.500.000đ). Nếu ông X không về trả nợ thì vợ chồng bà M ông T không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên vụ án đã quá hạn luật định về thời gian giải quyết vụ án nên đề nghị rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng bà M ông T trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000đ, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Dương Thị M có nơi cư trú tại ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của bà Lê Ngọc V về việc buộc bà Dương Thị M và ông Thái Văn T trả số tiền nhờ tham gia giữ gìn là 60.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận, Bởi lẽ: Theo các tài liệu, chứng cứ bà V cung cấp thì bà có nhờ bà Mến chơi giữ gìn 01 chân hụi 3.000.000đ/ tháng, mỗi tháng khai hụi 01 lần, đây hụi có 26 người tham gia và đến kỳ khai hụi lần thứ 22 thì bà V nhờ bà M đứng ra hốt hụi được số tiền như sau: $22 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} = 66.000.000\text{đ}$ (trừ 01 phần của bà V, còn lại 03 lần hụi sống $\times 2.300.000\text{đ} = 6.900.000\text{đ}$ bà sẽ có nghĩa vụ đóng cho chủ hụi). Như vậy bà M là người hốt giữ gìn bà chân hụi lần thứ 22 với tổng cộng số tiền là 72.900.000đ, nhưng bà còn phải thực hiện việc đóng hụi thêm 04 lần nữa chứ không phải là 03 lần như lời trình bày của bà và số tiền bà phải đóng hụi chết là $04 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} = 12.000.000\text{đ}$.

Do bà M chơi hụi giữ gìn nên việc đóng hụi chết là quan hệ giữa bà M với chủ hụi, không liên quan đến bà V, việc trừ đi 4 lần hụi chết bằng 12.000.000 đồng để bà M thực hiện nghĩa vụ đóng hụi và tiền đầu thảo cho chủ hụi 1.500.000đ là phù hợp.

Tại phiên tòa bà V chỉ yêu cầu bị đơn trả 60.000.000 đồng và bà M, ông T cũng thống nhất số tiền hốt thực tế là 60.000.000đ nên Hội đồng xét xử buộc bà Dương Thị M, ông Thái Văn T trả cho bà V số tiền 60.000.000đ là phù hợp với Điều 280 Bộ luật dân sự 2015..

[3] Việc nguyên đơn rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ là phù hợp.

[4] Xét lời bày của bà M, ông T yêu cầu bà V kêu ông X về trả nợ số tiền 97.300.000đ mà vợ chồng ông, bà hỏi tiền giữ gìn để trả nợ, thì vợ chồng ông, bà đồng ý trả lại số tiền 60.000.000đ cho bà V vì số tiền này vợ chồng ông, bà đã trả nợ của ông X cho người khác. Nếu ông X không về trả nợ thì vợ chồng ông, bà không có khả năng trả nợ cho bà V. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc giao dịch dân sự vay nợ giữa vợ chồng ông, bà và ông X là hoàn toàn độc lập, không liên quan đến giao dịch chơi hụi giữ gìn bởi khi các bên giao dịch không có bà V tham gia với vai trò là người bảo lãnh hay ủy quyền hoặc được ủy quyền, nên khi ông X vi phạm thỏa thuận giữa ông, bà có quyền thực hiện những quyền mà pháp luật cho phép để đòi lại số tiền mà ông, bà bị thiệt hại. Còn việc ông, bà trình bày nếu ông X không về trả nợ thì vợ chồng ông, bà không có khả năng trả nợ cho bà V là không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do bà Dương Thị M và ông Thái Văn T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả.

- Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Xử buộc: Bà Dương Thị M và ông Thái Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc V số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc V với số tiền là 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) do bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3/ Về án phí:

- Buộc bà Dương Thị M và ông Thái Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Bà Lê Ngọc V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.822.500đ (Một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo lai thu số 0000008 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

4/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án DS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh